

KINH LĂNG-GIÀ A-BẠT-ĐA-LA BẢO QUYỂN 2

Phẩm 2: NHẤT THIẾT PHẬT NGŨ TÂM (Phần 2)

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Pháp thuyết giảng ghi trong kinh Phật nói tự tánh của Như Lai tạng vốn trong sạch thường trụ chẳng đoạn, chẳng có biến đổi, đầy đủ ba mươi hai tướng nơi thân của tất cả chúng sinh, vì áo bẩn là ấm, giới, nhập che khuất, nên bị cấu bẩn vọng phân biệt tham, sân, si bị ô nhiễm, giống như vật báu vô giá ẩn trong áo bẩn. Mà ngoại đạo có thuyết “Chân ngã là tác giả thường trụ, là nơi nương dựa, tự tại chẳng diệt.” Vậy, cái nghĩa Như Lai tạng của Phật đã thuyết giảng lẽ nào chẳng đồng như cái thuyết Chân ngã của ngoại đạo chẳng?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta nói Như Lai tạng, chẳng đồng với cái thuyết Chân ngã của ngoại đạo. Đại Tuệ! Ta có lúc nói Không, Vô tướng, Vô nguyện, như thật tế, pháp tánh, Pháp thân, Niết-bàn, là tự tánh, bất sinh bất diệt, bản lai tịch tĩnh, tự tánh Niết-bàn... dùng những danh từ này để thuyết Như Lai tạng xong, ấy là vì Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác muốn đoạn dứt sự e sợ danh từ vô ngã của phàm phu, nên nói cảnh giới là vọng tưởng, vô sở hữu là Như Lai tạng.

Này Đại Tuệ! Bạc Bồ-tát vị lai, hiện tại, chẳng nên sinh ngã kiến chấp trước. Ví như thợ gốm nơi một đồng đất, dùng phương tiện nhân công, nước, cây, bánh xe quay để làm ra các món đồ gốm, thì Như Lai cũng như thế; ở nơi pháp vô ngã là tất cả tướng của vọng tưởng, dùng đủ thứ trí tuệ, phương tiện khéo léo, hoặc thuyết Như Lai tạng, hoặc thuyết vô ngã. Do nhân duyên này, nên thuyết Như Lai tạng của ta chẳng đồng với thuyết chân ngã của ngoại đạo. Vì khai mở chỗ trói buộc chấp ngã của các ngoại đạo, nên có thuyết Như Lai tạng, khiến họ lìa vọng tưởng ngã kiến chẳng thật, ngộ nhập

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

cảnh giới ba cửa giải thoát, mong họ mau chứng được Vô thượng Bồ-đề. Cho nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác phải thuyết Như Lai tạng như thế. Nếu chẳng như vậy, ắt đồng với ngoại đạo. Cho nên, Đại Tuệ! Vì lia kiến chấp của ngoại đạo, cần phải y theo pháp vô ngã của Như Lai tạng mà tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Nhân ngã và năm ấm
Nhân duyên với vi trần
Tự tánh vốn tự tại
Duy tâm vọng phân biệt.*

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ quán chúng sinh đời vị lai, lại thỉnh Thế Tôn:

–Cúi xin Thế Tôn thuyết về đại phương tiện tu hành chẳng gián đoạn của chư Đại Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ-tát phải thành tựu bốn pháp. Thế nào là bốn?

1. Khéo phân biệt tự tâm hiện.
2. Quán ngoài tánh phi tánh.
3. Lia kiến chấp sinh, trụ, diệt.
4. Được sự an lạc của Thánh trí tự giác.

Ấy gọi là thành tựu bốn pháp đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ-tát.

Thế nào là khéo phân biệt tự tâm hiện của bậc Đại Bồ-tát? Ấy là quán về biên vực duy tâm của ba cõi, lia ngã, ngã sở, chẳng lay động, chẳng đến đi, biết do tập khí hư dối huân tập từ vô thủy, kiến lập thân (ngã), tài (ngã sở), tùy theo vọng tưởng trói buộc hiện đủ thứ sắc hành của ba cõi, ấy gọi là khéo phân biệt tự tâm hiện của bậc Đại Bồ-tát.

Thế nào là khéo quán ngoài tánh phi tánh? Là nói quán tự tánh của tất cả tánh do vọng tưởng tập khí hư dối từ vô thủy làm nhân mà thành, tất cả tánh đều giống như dương diệm, mộng, huyễn... Đại Bồ-tát khéo quán như thế, gọi là khéo quán ngoài tánh phi tánh.

Thế nào là Đại Bồ-tát khéo lia kiến chấp sinh, trụ, diệt? Nói

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tất cả tánh như mộng, huyễn, tự tánh, tha tánh và cộng tánh vốn chẳng sinh, liền được vào cảnh giới vô sinh của tự tâm, thấu tỏ về biên vực của tự tâm quy về vô sở đắc nên chẳng là mà tự là. Đã rõ về biên vực của tự tâm, nên quán được ngoài tánh phi tánh, tất cả pháp sinh ở nơi ba cõi trong ngoài đều không nắm bắt; quán được pháp sinh là tự tánh, thì kiến chấp về pháp sinh phải diệt. Vậy, khéo biết tự tánh của các pháp như huyễn thì chứng đắc pháp Nhẫn vô sinh. Đắc pháp Nhẫn vô sinh xong thì là kiến chấp sinh, trụ, diệt. Ấy gọi là Đại Bồ-tát khéo phân biệt là kiến chấp sinh, trụ, diệt.

Thế nào là Đại Bồ-tát đắc sự an lạc của Thánh trí tự giác? Vì đắc pháp Nhẫn vô sinh rồi thì trụ nơi Bồ-tát Bát địa, được là tâm, ý, ý thức, năm pháp tự tánh và hai tướng vô ngã, chứng đắc Ý sinh thân.

Bồ-tát Đại Tuệ hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thế nào là ý sinh thân?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Nói ý sinh thân, ví như sự đi nhanh chóng của ý đi qua vách đá vô ngại, cho đến khoảng cách số dặm vô lượng ở phương xa, vì trước kia ý đã thấy, ghi nhớ chẳng quên, tự tâm lưu chú chẳng ngừng, thì ý sinh thân cũng như thế, thành chẳng chướng ngại. Đại Tuệ! Ý và thân như thế được sinh cùng một lúc, ý sinh thân của Đại Bồ-tát thuộc Thánh chủng diệu tướng trang nghiêm, do Tam-muội như huyễn, có sức thần thông tự tại, nên trong một lúc cùng sinh, cũng như ý sinh, chẳng có chướng ngại, tùy theo cảnh giới của bản nguyện ghi nhớ mà thành tựu cho chúng sinh, đắc sự an lạc của Thánh trí tự giác. Như thế, Đại Bồ-tát đắc pháp Nhẫn vô sinh, trụ tám địa, lần lượt xả bỏ tâm, ý, ý thức, năm pháp tự tánh và hai tướng vô ngã, thì chứng đắc Ý sinh thân. Ấy gọi là Đại Bồ-tát được sự an lạc của Thánh trí tự giác.

Nói tóm lại, thành tựu bốn pháp đại phương tiện tu hành của bậc Đại Bồ-tát kể trên, cần nên tu học.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Phật thuyết giảng về tướng nhân duyên của tất cả các pháp, do giác ngộ được tướng nhân duyên, khiến con và các Bồ-tát được là tất cả tánh của vọng kiến hữu, vô,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chẳng vọng chấp các pháp tiêm sinh, hoặc đốn sinh, hoặc tiêm đốn cùng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tất cả pháp có hai thứ duyên tướng, là ngoại duyên và nội duyên. Ngoại duyên là: Cục đất, cây cọc, bánh xe, sợi dây, nước, gỗ, nhân công, các thứ phương tiện làm duyên, sinh ra cái bình như bình đất, còn các thứ tơ lụa, lát chiếu, giống mầm, tô lạc... do ngoại duyên phương tiện sinh ra cũng như thế. Ấy gọi là tướng ngoại duyên.

Thế nào là nội duyên? Vì có vô minh, ái nghiệp, các pháp hòa hợp gọi là chủ thể duyên, từ đó sinh khởi các pháp ấm, giới, nhập, gọi là đối tượng được duyên. Các pháp do tự tâm sở hiện vốn chẳng sai biệt, mà phàm phu vọng chấp, thành có sai biệt, ấy gọi là pháp nội duyên.

Đại Tuệ! Nói về nhân gồm có sáu thứ, ấy là: Đương hữu nhân, tương tục nhân, tướng nhân, tác nhân, Hiện thị nhân và Đối đãi nhân.

1. Đương hữu nhân: Vì thức thứ tám từ vô thủy đến nay hay làm nhân cho tất cả pháp, từ nhân sinh quả, không thể nghĩ bàn, đương lúc đó làm nhân, nên gọi là Đương hữu nhân.

2. Tương tục nhân: Vì bên trong nương thức thứ tám và thức thứ sáu, duyên dựa nơi ngoại cảnh, từ đó pháp trong ngoài làm nhân sinh quả như chủng tử của năm ấm... do hiện hành huân tập chủng tử, lại do chủng tử huân tập hiện hành, mà quả nhiễm tịnh theo đó liên tục sinh khởi chẳng dừng, nên gọi là Tương tục nhân.

3. Tướng nhân: Do cái duyên đẳng vô gián (duyên chẳng gián đoạn) làm ra tướng vô gián, sinh ra quả tương tục. Nơi tương tục có tướng vô gián đã lìa nơi nhân mà chưa đến nơi quả, vì nó chẳng gián đoạn cho nên tương tục. Vì ở nơi chính giữa của nhân và quả mà có tướng, nên gọi là Tướng nhân.

4. Tác nhân: Tức là duyên tăng thượng, ấy là tạo nghiệp tăng thượng mà sinh ra quả, cũng như Chuyển luân vương, do thân thể chứng đắc Luân vương làm bản thân mà bánh xe bảy báu từ hư không bay đến, ấy là sự tăng thượng. Vì cảnh chẳng thể sinh quả, phải nhờ tâm làm tăng thượng, Luân vương mới có thể làm ra thắng nhân. Vì tâm làm duyên tăng thượng cho cảnh, nên gọi là Tác nhân.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

5. Hiện thị nhân: Sự vọng tưởng sinh rồi thì hiện cái tướng chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, như cây đèn chiếu soi hiện thị sắc tướng... gọi là Hiện thị nhân.

6. Đối đãi nhân: Là lúc pháp diệt thì sự tương tục đoạn dứt, mà ngay đó tánh “chẳng vọng tưởng” sinh khởi. Đại Tuệ! Tự tướng vọng tưởng của phàm phu chẳng lần lượt sinh, chẳng cùng lúc sinh. Vì sao? Nếu cùng lúc sinh thì chẳng phân biệt được chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, vì chẳng có tướng nhân. Nếu lần lượt sinh thì chẳng có tự tướng, cho nên chẳng thể có lần lượt sinh, như chẳng sinh con thì không được gọi là cha. Đại Tuệ! Vì cha với con làm nhân đối đãi với nhau, không có cha thì không sinh được con, không có con thì không được gọi là cha; cha con đối đãi nhau mà sinh, nên gọi là Đối đãi nhân.

Này Đại Tuệ! Nói tóm lại, các thứ tướng sinh đều do các thứ nhân của tự tánh vọng tưởng chấp tướng mà sinh. Vì tự tâm hiện ra thọ dụng mà có tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh; thực ra lần lượt sinh và cùng lúc sinh hai thứ đều chẳng thể sinh. Cho nên phải lia hai thứ kiến chấp đó.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Tất cả đều vô sinh
Cũng không nhân duyên diệt
Ở nơi tướng sinh diệt
Mà khởi tướng nhân duyên.
Pháp diệt rồi lại sinh
Do nhân duyên tương tục
Vì đoạn dứt si mê
Của tất cả chúng sinh.
Nên thuyết pháp duyên khởi
Các pháp thật vô sinh
Do tập khí mê hoặc
Từ đó hiện ba cõi.
Duyên thật vốn vô sinh
Lại cũng chẳng có diệt
Tất cả pháp hữu vi
Như hoa đốm trên không.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Nếu lìa bỏ kiến chấp
Năng nhiếp và sở nhiếp
Chẳng có vô nhân sinh
Và đã sinh, sẽ sinh.
Sự sinh vốn chẳng có
Thấy đều là ngôn thuyết.*

Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì chúng con nói tướng của Tâm kinh và ngôn thuyết của vọng tưởng. Con và các Đại Bồ-tát nếu khéo biết tướng Tâm kinh và ngôn thuyết vọng tưởng, thì được thông đạt hai nghĩa chủ thể thuyết giảng và đối tượng được thuyết giảng, chóng chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng hai thứ chủ thể thuyết giảng, đối tượng được thuyết giảng tẩy sạch mọi phiền não cấu uế của tất cả chúng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có bốn thứ tướng vọng tưởng nơi ngôn thuyết là:

1. Tướng ngôn thuyết: Là từ tự tâm vọng tưởng chấp trước sắc tướng mà sinh.

2. Mộng ngôn thuyết: Là cảnh giới xưa kia đã trải qua, nay tùy niệm tưởng nhớ mà sinh, nếu giác ngộ rồi thì cảnh giới “Vô tánh” được sinh.

3. Vọng tưởng chấp trước ngôn thuyết: Là như trước kia do oán ghét tạo thành nghiệp, nay tùy niệm tưởng nhớ mà sinh.

4. Vô thủy vọng tưởng ngôn thuyết: Là lỗi từ vô thủy hư dối, chấp trước tập khí của tự chủng mà sinh. Đó gọi là bốn thứ tướng của vọng tưởng ngôn thuyết.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại dùng nghĩa này khuyến thỉnh Thế Tôn:

–Cúi xin Phật thuyết lại cảnh giới sở hiện của vọng tưởng ngôn thuyết. Bạch Thế Tôn! Ấy là ở nơi nào? Do cố gì? Tại sao? Nhân gì mà sinh ra ngôn thuyết vọng tưởng của chúng sinh?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Do đầu, ngực, cổ họng, mũi, môi, lưỡi, nướu răng, hòa hợp mà phát ra âm thanh.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Ngôn thuyết với vọng tưởng là khác hay chẳng khác?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ngôn thuyết và vọng tưởng, chẳng phải khác hay chẳng khác. Vì sao? Vì là vọng tưởng làm nhân sinh ra tướng ngôn thuyết. Nếu ngôn thuyết với vọng tưởng khác nhau thì vọng tưởng chẳng nên làm nhân; nếu chẳng khác thì lời nói chẳng hiển bày nghĩa lý. Nhưng sự thật thì chẳng như vậy. Cho nên chẳng phải khác hay chẳng khác.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vậy ngôn thuyết là Đệ nhất nghĩa hay đối tượng được thuyết giảng là Đệ nhất nghĩa?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải ngôn thuyết là Đệ nhất nghĩa, cũng chẳng phải đối tượng được thuyết giảng là Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Nói “Đệ nhất nghĩa” là do đối tượng được hội nhập của ngôn thuyết, nghĩa là sự an vui của bậc Thánh mới gọi là Đệ nhất nghĩa, chẳng phải ngôn thuyết là Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa là do chỗ chứng đắc của Thánh trí tự giác, chẳng phải cảnh giới của ngôn thuyết vọng tưởng, cho nên, ngôn thuyết vọng tưởng chẳng hiển thị Đệ nhất nghĩa. Vì tướng của tự và tha vô tánh, nên tướng ngôn thuyết chẳng hiển thị Đệ nhất nghĩa. Lại nữa, này Đại Tuệ! Vì do chỗ hội nhập của tự tâm hiện lượng nên mỗi mỗi tướng ngoài tánh phi tánh, thì vọng tưởng ngôn thuyết chẳng hiển thị Đệ nhất nghĩa. Cho nên phải lia tướng ngôn thuyết và vọng tưởng, mới có thể hiển bày được Đệ nhất nghĩa.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

*Các pháp chẳng tự tánh
Cũng chẳng phải ngôn thuyết
Nghĩa không không sâu tột
Phàm phu chẳng thể tỏ.
Tự tánh của pháp tánh
Lìa ngôn thuyết phân biệt*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Sinh tử và Niết-bàn
Các pháp như mộng huyễn.
Như vua và trưởng giả
Vì muốn các con vui
Trước cho vật tương tự
Sau ban đồ chân thật.
Nay ta cũng như thế
Trước thuyết pháp tương tự
Sau mới vì họ giảng
Pháp thật tế tự chứng.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin Thế Tôn thuyết những pháp: Nhất hay dị, đồng hay chẳng đồng, hữu và vô, hay chẳng hữu chẳng vô, thường hay vô thường, chỗ chẳng hành của tất cả ngoại đạo, là chỗ hành của Thánh trí tự giác, lìa vọng tưởng nơi tự tướng cộng tướng, vào Đệ nhất nghĩa chân thật. Các địa tương tục, dần dần tiến lên, đến chỗ tướng cùng tốt thanh tịnh, liền vào tướng địa của Như Lai, chẳng mở mang bản nguyện. Ví như hạt châu ma-ni có nhiều hình sắc, cảnh giới vô biên tướng hạnh, nay chỉ hiện tướng bộ phận trong tự tâm, nơi tất cả các pháp, nếu con và các vị Đại Bồ-tát, lìa kiến chấp nơi tự tướng cộng tướng của vọng tưởng tự tánh như trên, sẽ chứng được Vô thượng Bồ-đề, khiến tất cả chúng sinh đầy đủ sung mãn tất cả an lạc.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Lành thay! Lành thay! Ông khéo hỏi ta các nghĩa như thế, là thương mến tất cả chư Thiên, người đời, khiến họ được nhiều an lạc và nhiều lợi ích. Đại Tuệ! Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Phàm phu ngu si, chẳng biết tâm lượng, chấp lấy tánh trong ngoài, dựa theo vọng tưởng chấp trước nhất, dị, đồng và chẳng đồng, hữu và vô và phi hữu phi vô, thường và vô thường... làm nhân, luân tập tự tánh, ví như bầy nai khát nước, thấy sóng năng tưởng là nước,

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

mê hoặc đuổi theo mà không biết chẳng phải nước. Phàm phu cũng thế, do vọng tưởng hư dối từ vô thủy huân tập mà bị ba độc đốt tâm, ham cảnh giới sắc, thấy sinh, trụ, diệt, chấp tánh trong ngoài, nên đọa nơi vọng kiến thân nhận, sinh ra tư tưởng nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường và vô thường... Như thành Càn-thát-bà vốn chẳng phải thành, mà phàm phu vô trí lại cho là có thành thiệt, ấy là do tập khí chấp trước từ vô thủy mà hiện tướng, thật ra chẳng phải có thành, cũng chẳng phải không có thành. Như thế, ngoại đạo do tập khí chấp trước hư dối từ vô thủy, mà nương theo kiến chấp nhất, dị, đồng, chẳng đồng... chẳng khéo thấu tỏ tự tâm hiện lượng. Ví như có người nằm mơ, thấy nam nữ, voi ngựa, xe cộ, thành ấp, vườn rừng, núi sông, ao hồ, đủ thứ trang nghiêm, tự thân thọ dụng trong đó, sau khi thức rồi vẫn còn tưởng nhớ. Đại Tuệ! Ý ông thế nào? Người ấy tưởng nhớ việc mộng trước kia mãi mãi chẳng bỏ như thế, là có trí tuệ chăng?

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Không! Bạch Thế Tôn!

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Phàm phu như thế, chẳng biết tánh do tự tâm hiện như mộng huyễn, nương nơi kiến chấp nhất, dị, đồng, chẳng đồng... Ví như bức tranh vốn chẳng cao thấp mà phàm phu cho là có cao thấp, vì bị ác kiến ăn nuốt, hoặc chấp trí tuệ của ngoại đạo. Như thế, từ ngoại đạo xưa cho đến ngoại đạo đời vị lai, tập khí ác kiến đầy dẫy, do đó tự hoại, hoại tha. Ngoại đạo cũng lập luận vô sinh, mà rơi vào ác kiến, phỉ báng nhân quả, cũng nói là vô, lại nhổ gốc thiện căn, hoại nhân thanh tịnh. Họ đọa vào kiến chấp tự sinh, tha sinh, cộng sinh và tư tưởng hữu vô, chìm nơi kiến lập và phỉ báng, do ác kiến này nên bị đọa nơi địa ngục.

Ví như mắt nhắm, thấy có hoa đốm mà nói với chúng: “Các người xem đây, ấy là hoa đốm, cứu cánh phi tánh phi vô tánh, thấy như chẳng thấy.” Vì ngoại đạo này vọng sinh hy vọng, dựa theo kiến chấp nhất, dị, đồng hay chẳng đồng... mà phỉ báng chánh pháp, tự đọa và khiến người khác đọa theo.

Ví như vòng lửa chẳng phải vòng mà phàm phu tưởng là vòng. Ngoại đạo ác kiến hy vọng như thế, do đó tất cả tánh sinh. Ví như

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

bọt nước giống như hạt châu ma-ni, phàm phu, tiểu thừa chẳng có trí tuệ lại tưởng là châu ma-ni và chẳng phải phi châu ma-ni, chấp trước đuổi theo. Nhưng bọt nước kia chẳng phải châu ma-ni, chẳng phải lấy hay chẳng lấy. Chỉ vì ác kiến của ngoại đạo do tập khí huân tập như thế, ở nơi vô sở hữu mà nói có sự sinh, do duyên theo hữu lại nói có sự diệt.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có ba thứ lượng và năm phần luận mỗi mỗi kiến lập xong, đem sự đắc Thánh trí tự giác, lìa hai tự tánh, vọng tưởng chấp trước cho là có tánh.

Này Đại Tuệ! Tâm, ý, ý thức, thân tâm chuyển biến tự tâm hiện chủ thể thâu nhiếp, đối tượng được thâu nhiếp... Các vọng tưởng đoạn dứt, thì người tu hành địa Như Lai, Thánh trí tự giác chẳng ở nơi những vọng tưởng ấy, khởi tưởng cho là tánh phi tánh. Nếu người tu hành có cảnh giới như thế, chấp lấy tướng sinh có tánh phi tánh ấy tức là chấp lấy có sự nuôi dưỡng thiện căn và chấp lấy tướng ngã tướng nhân.

Này Đại Tuệ! Thuyết pháp tánh, tự tánh, tự tướng, cộng tướng, tất cả đều là chỗ thuyết giảng Hóa Phật, chẳng phải pháp Phật thuyết. Những ngôn thuyết ấy đều do kiến chấp hy vọng của phàm phu mà thuyết. Chẳng phải vì người ham trụ chánh định, đắc Thánh trí tự giác, đặc biệt kiến lập thẳng vào tự tánh pháp. Nay theo phương tiện hiển thị, ví như trong nước có bóng cây hiện, ấy cũng chẳng phải bóng, chẳng phải phi bóng, chẳng phải hình cây, chẳng phải phi hình cây. Chỉ do ngoại đạo chẳng biết hiện lượng của tự tâm, theo vọng tưởng chấp trước huân tập thành kiến chấp, nương theo đó sinh tướng nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường... Tự tâm hiện lượng ví như gương sáng, tùy duyên hiển hiện tất cả sắc tướng mà chẳng khởi vọng tưởng. Ấy chẳng phải tướng, chẳng phải phi tướng, mà thấy tướng phi tướng, phàm phu vọng tưởng cho là tướng thật. Ngoại đạo ác kiến như thế, tướng tự tâm hiện vọng tưởng chấp trước, nương nơi nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô... mà sinh kiến chấp, cũng như gió với nước hòa hợp mà sinh ra âm thanh. Ấy chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh. Ví như đại địa chỗ chẳng có cỏ cây, do thấy dạn nắng vọng cho là có dòng sông, làn sóng nổi dậy, ấy chẳng phải tánh, chẳng phải phi

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

tánh, tham, vô tham (tham tức là chấp thật ở chỗ chẳng thể chấp thật mà chấp cho là thật), phàm phu cũng như thế, vì do tập khí hư dối từ vô thủy huân tập vọng tưởng chấp trước, nương theo sinh, trụ, diệt, nhất, dị, đồng, chẳng đồng... duyên dựa tự trụ những việc ấy cũng như dợn nắng nổi làn sóng kia.

Ví như có người dùng sức chú thuật, khiến tử thi, người máy hoạt động như hình chúng sinh, nhưng thật chẳng phải là chúng sinh. Tất cả những việc kể trên, đều do ác kiến hy vọng của ngoại đạo hý luận chấp trước sự chẳng thật mà kiến lập.

Này Đại Tuệ! Vì muốn thành tựu sự chứng đắc Thánh trí tự giác, phải lìa những ác kiến vọng tưởng sinh, trụ, diệt, nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường...

Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ:

*Bóng cây hiện trong nước
Như hoa đốm dợn nắng
Quán ba cõi như thế
Cứu cánh được giải thoát.
Ví như nai khát nước
Khiến tâm mê loạn chuyển
Cho dợn nắng là nước
Thật thì chẳng phải nước.
Do chủng tử ý thức
Hoạt động hiện cảnh vọng
Phàm phu sinh vọng tưởng
Như bị bệnh nhắm mắt.
Nơi vô thủy sinh tử
Chấp có tánh thâm nhận
Nếu ngược chốt tháo chốt
Xả lìa tham thâm nhận.
Như huyễn chú máy động
Như mây nổi điện chớp
Quán thế được giải thoát
Dứt hẳn ba tương tục.
Nơi thật chẳng kẻ tạo
Như dợn nắng hư không*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Dù biết pháp như thế
Thật thì không chỗ biết.
Ngôn giáo lập giả danh
Giả danh chẳng có tướng
Lại theo đó khởi vọng
Năm ấm và hiện hành.
Như bức tranh hoa đốm
Mộng thành Càn-thát-bà
Vòng lửa và dạn nắng
Từ không hiện thành có.
Nhất, dị, thường, vô thường
Đồng chẳng đồng cũng vậy
Lỗi tương tục vô thủy
Do phạm phu si vọng.
Mắt: gương sáng, nước trong
Ngọc báu ma-ni diệu
Hiện ra nhiều sắc tướng
Thật thì chẳng có gì.
Tất cả tánh hiển hiện
Cảnh mộng huyễn cũng thế
Mỗi mỗi sắc tướng hiện
Đều chẳng thật như vậy.*

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như Lai thuyết pháp lìa bốn luận chứng như thế. Là nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường, lìa nơi hữu vô, kiến lập, phủ nhận, phân biệt kết tập, chân đế duyên khởi, đạo diệt, giải thoát... Sự thuyết pháp của Như Lai lấy đó làm gốc, phi tánh, phi tự tại, phi vô nhân, phi vi trần, phi thời, phi tự tánh tương tục mà vì chúng sinh thuyết pháp. Lại nữa, này Đại Tuệ! Vì tẩy sạch phiền não chướng và sở tri chướng, ví như thương chủ vì dẫn chúng đến nơi bảo sở nên theo thứ lớp kiến lập một trăm lẻ tám câu vô sở hữu ấy, khéo phân biệt làm ba thừa (phá phiền não chướng) và tướng Thập địa (phá sở tri chướng).

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có bốn thứ thiền. Thế nào là bốn?

1. Thiền phạm phu sở hành.
2. Thiền quan sát nghĩa.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

3. Thiền duyên dựa như thật.

4. Thiền Như Lai.

Thế nào là Thiền phàm phu sở hành? Là nói Thanh văn, Duyên giác, ngoại đạo tu hành, quán tánh nhân vô ngã, tự tướng cộng tướng, lóng xương liền nhau, vô thường, khổ, tướng bất tịnh... do chấp trước làm gốc. Chỉ quán các tướng như thế, chẳng quán cái khác, thứ lớp tiến tới, tướng chẳng trừ diệt, ấy gọi là Thiền phàm phu sở hành.

Thế nào là Thiền quan sát nghĩa? Nói quán nhân vô ngã, tự tướng cộng tướng, ngoại đạo, biết tự và tha đều vô tánh, xong quán pháp vô ngã, nghĩa hành tướng của Thập địa Bồ-tát, dần dần tiến lên, gọi là Thiền quan sát nghĩa.

Thế nào là Thiền duyên dựa như thật? Là nói vọng tưởng tức hai thứ vô ngã là vọng tưởng; chỗ như thật thì chẳng sinh vọng tưởng, ấy gọi là Thiền duyên dựa như thật.

Thế nào là Thiền Như Lai? Nói nhập địa Như Lai, đấng ba thứ tướng ham trụ chánh định của Thánh trí tự giác thì thành tựu việc không thể bàn của chúng sinh, gọi là Thiền Như Lai.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

*Thiền phàm phu sở hành
Thiền quan sát tướng nghĩa
Thiền duyên dựa như thật
Thiền Như Lai thanh tịnh.
Ví như hình bán nguyệt
Bát-đầu-ma trong bùn
Như lửa diệt nơi không
Người tu hành quan sát
Mỗi mỗi tướng như thế
Ngoại đạo chấp tướng thiền.
Thanh văn và Duyên giác
Rơi nơi cảnh giới không.
Nếu xả bỏ tất cả
Thì là vô sở hữu.
Tất cả cõi chư Phật
Dùng tay chẳng thể nghĩ bàn
Nhất thời xoa đầu họ*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thuận nhập tướng chân như.

Khi ấy, Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nói pháp Niết-bàn, thuyết pháp nào gọi là Niết-bàn?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Tập khí nơi tự tánh của tất cả thức đều là pháp sinh tử, như tập khí tạng thức (thức thứ tám), tập khí ý (thức thứ bảy), tập khí ý thức (thức thứ sáu), tập khí kiến (tiền ngũ thức). Nếu chuyển được các tập khí ấy, tức là chuyển được sinh tử, gọi là Niết-bàn. Cái Niết-bàn của ta và chư Phật thuyết giảng, tức là cảnh giới tánh không của các pháp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn là cảnh giới của Thánh trí tự giác, là đoạn thường (phi đoạn phi thường), là vọng tướng tánh phi tánh. Thế nào chẳng phải là thường? Là vọng tướng của tự tướng cộng tướng đoạn dứt nên chẳng phải là thường. Thế nào chẳng phải là đoạn? Nói tất cả bậc Thánh quá khứ, hiện tại, vị lai đều được tự giác nên chẳng phải là đoạn. Đại Tuệ! Niết-bàn bất hoại, bất tử. Nếu Niết-bàn tử thì phải thọ sinh tương tục; nếu hoại, thì phải rơi vào tướng hữu vi. Cho nên Niết-bàn là hoại, là tử, là chỗ quy y của người tu hành.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn phi xả phi đắc, phi đoạn phi thường, phi nhất nghĩa, phi đa nghĩa, gọi là Niết-bàn.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Niết-bàn của bậc Thanh văn, Duyên giác dựa theo vô thường, khổ, không, vô ngã, quan sát của pháp tự tướng cộng tướng vốn chẳng thật thể, quán mười hai nhân duyên cũng thế, đều là cảnh giới náo động, chẳng ưa thân cận, ham chỗ tĩnh lặng, tri kiến chẳng điên đảo thì vọng tướng chẳng sinh. Vì họ chẳng thể chuyển thức thành trí, trông thấy chỗ tĩnh lặng của thức ấm cho là Niết-bàn, thật thì chẳng phải là cứu cánh.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có hai thứ tướng tự tánh. Thế nào là hai?

1. Tướng chấp trước ngôn thuyết tự tánh: Là do tập khí chấp trước hư dối của ngôn thuyết từ vô thủy mà sinh khởi.

2. Tướng chấp trước sự tự tánh: Là do bất giác hiện ra biên vực tự tâm mà sinh khởi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Lại nữa, này Đại Tuệ! Như Lai dùng hai thứ thần lực kiến lập, khiến Đại Bồ-tát đánh lễ chư Phật, hỏi nghĩa và nghe pháp, thọ giáo. Thế nào là hai thứ thần lực kiến lập?

1. Hiện thân thuyết pháp.

2. Vô ngôn vô thuyết, chỉ dùng tay quán đánh, truyền thọ quả vị Như Lai.

Này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát chứng Sơ địa, trụ nơi thần lực của Phật, nhập Tam-muội Đại thừa chiếu minh. Nhập Tam-muội này rồi, thì mười phương thế giới, tất cả chư Phật dùng sức thần thông thị hiện tất cả thân diện ngôn thuyết, như Đại Bồ-tát Kim Cang Tạng và như các Đại Bồ-tát khác đã thành tựu tướng công đức như thế. Đại Tuệ! Ấy gọi là Bồ-tát Sơ địa.

Bậc Đại Bồ-tát được thần lực Tam-muội chánh thọ, là do tích chứa thiện căn từ trăm ngàn kiếp được thành tựu. Đối trị tướng của đối tượng được trị (tập khí xuất thế gian) thứ lớp tiến lên các Địa, cho đến địa Pháp vân, thông đạt cứu cánh, trụ nơi cung điện Đại liên hoa vi diệu, ngôi tòa Sư tử Đại bảo liên hoa, được quyến thuộc của các Đại Bồ-tát cùng loại vây quanh, các thứ báu anh lạc trang nghiêm thân thể, như hoa Chiêm-bạc bằng vàng, như ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Các Bồ-tát từ mười phương đến, nơi tòa Đại liên hoa trong cung điện mà quán đánh, cũng như sự quán đánh của Tự tại Chuyển luân thánh vương và Thái tử Đế Thích, ấy gọi là thần lực quán đánh của Bồ-tát thủ. Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát trụ nơi hai thứ thần lực, thì sẽ gặp mặt chư Phật Như Lai, nếu chẳng như thế thì chẳng thể gặp.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Những pháp hạnh thân tức, Tam-muội, phân biệt của Đại Bồ-tát, tất cả đều trụ nơi hai thứ thần lực của Như Lai. Đại Tuệ! Nếu Đại Bồ-tát lìa hai thứ thần lực của Phật mà có biện tài thuyết pháp, thì tất cả phàm phu cũng phải có biện tài thuyết pháp. Vì sao? Vì chẳng cần trụ nơi thần lực mà tự có.

Này Đại Tuệ! Khi Như Lai vào thành, hiện sức oai thần của Phật, khiến các thứ vô tình như núi đá, cây cối, nhạc cụ, thành ấp, cung điện đều tự nhiên phát ra tiếng âm nhạc, huống là người có tâm thức thì dù mù, điếc, câm, ngọng có vô lượng khổ, đều được giải thoát. Như Lai có vô lượng thần lực như thế để tạo lợi lạc cho chúng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

sinh.

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên nào, Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác gia hộ thần lực cho bậc Bồ-tát đang trụ Tam-muội chánh thọ và khi được thăng tiến địa quán đảnh?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì lìa nghiệp ma phiền não nên chẳng rơi vào thiên của Thanh văn thừa; vì đắc địa Như Lai tự giác và đắc pháp tinh tấn, nên Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác đều dùng thần lực kiến lập chư Đại Bồ-tát. Nếu chẳng dùng thần lực kiến lập, ắt phải rơi vào ác kiến vọng tưởng của ngoại đạo, hoặc rơi vào Thanh văn thừa, hoặc rơi vào vùng hy vọng của chúng ma, chẳng thể đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó, chư Phật Như Lai đều dùng thần lực thâm nhận chư Đại Bồ-tát.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

*Thần lực của chư Phật
Do đại nguyện trong sạch
Quán đảnh bậc Bồ-tát
Sơ địa đến Thập địa.*

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật thuyết duyên khởi tức là thuyết nhân duyên sinh, chẳng thuyết đạo do tự tâm vọng tưởng phân biệt mà sinh. Bạch Thế Tôn! Ngoại đạo cũng thuyết nhân duyên, nói vi trần sinh khởi lúc ban đầu là nhờ tánh thắng tự tại của thần ngã, các tánh khác sinh khởi cũng như thế. Nhưng Thế Tôn nói nhân duyên hay sinh ra các tánh, là dùng Tất-đàn Hữu gián hoặc Tất-đàn Vô gián để giáo hóa chúng sinh.

Thế Tôn! Ngoại đạo cũng nói về Hữu sinh và Vô hữu sinh, Thế Tôn cũng nói đến Vô hữu sinh, sinh rồi diệt. Như Thế Tôn thuyết giảng về mười hai nhân duyên, từ vô minh duyên hành cho đến lão tử, ấy là Vô nhân thuyết của Thế Tôn, chẳng phải là hữu nhân thuyết. Thế Tôn kiến lập thuyết như vậy, nói “có cái này nên có cái kia”, chẳng phải kiến lập cái nghĩa tiệm sinh. Thuyết “Quán tánh thắng” của ngoại đạo, chẳng phải là thuyết của Như Lai. Vì sao? Vì

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

ngoại đạo thuyết cái nhân chẳng từ duyên sinh mà có chỗ sinh ra. Nhưng Thế Tôn thì thuyết quán nhân có quả, quán quả có nhân, nói nhân duyên tạp loạn như vậy, thế thì duyên nhau đến vô cùng tận.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Ta chẳng phải thuyết Vô nhân và thuyết Nhân duyên tạp loạn, cái này có nên cái kia có và chủ thể thấu nhiếp, đối tượng được thấu nhiếp đều phi tánh, là biết rõ được tự tâm hiện lượng. Đại Tuệ! Nếu chấp trước chủ thể thấu nhiếp, đối tượng được thấu nhiếp thì chẳng giác ngộ được tự tâm hiện lượng và ngoài cảnh giới tánh phi tánh, họ có cái lỗi như thế, chẳng phải cái thuyết duyên khởi của ta. Ta thường thuyết do nhân duyên hòa hợp mà sinh các pháp, chẳng phải là Vô nhân sinh.

Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả tánh chẳng? Nếu vô tánh thì ngôn thuyết chẳng sinh, cho nên ngôn thuyết hữu tánh, nghĩa là có tất cả tánh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vô tánh mà có ngôn thuyết, như lông rùa sừng thỏ, là hiện ngôn thuyết của thế gian. Đại Tuệ! Chẳng phải tánh, chẳng phải phi tánh, chỉ là ngôn thuyết mà thôi. Như lời ông nói “Ngôn thuyết hữu tánh, có tất cả tánh” đó, lập luận của ông ắt bị lật đổ.

Này Đại Tuệ! Chẳng phải tất cả quốc độ đều có ngôn thuyết, ngôn thuyết chỉ là tạo tác thôi. Hoặc có cõi Phật dùng ngó nhìn để hiển bày pháp, hoặc có cõi Phật làm ra hình tướng, hoặc nương mày, hoặc chớp mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc háng giọng, hoặc tưởng niệm, hoặc lay động, các cõi Phật ấy đều chẳng nhờ ngôn thuyết mà hiển bày các pháp. Đại Tuệ! Như thế giới Hương tích và quốc độ của Như Lai Phổ Hiền, chỉ dùng ngó nhìn, khiến các Bồ-tát đắc pháp Nhân vô sinh và Tam-muội thù thắng. Cho nên chẳng phải ngôn thuyết hữu tánh là có tất cả tánh. Đại Tuệ! Như ông đã thấy, các loại ruồi, nhặng, giun, kiến trong thế giới này, những chúng sinh ấy chẳng có ngôn thuyết cũng làm xong công việc.

Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa ấy nên nói kệ:

*Như hư không sừng thỏ
Và con của Thạch nữ*

www.daitangkinh.org

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Không mà có ngôn thuyết
Tánh vọng tưởng như thế.
Nhân duyên hòa hợp sinh
Phàm phu khởi vọng tưởng
Chẳng thể đúng như thật
Nên luân hồi ba cõi.*

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Âm thanh hiển bày nghĩa chân thường ấy nương theo việc gì mà thuyết?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì sự mê hoặc mà thuyết. Do chúng sinh mê hoặc, nên chư Thánh thị hiện âm thanh thuyết pháp giáo hóa, gọi là Thanh giáo, mà chẳng phải điên đảo. Đại Tuệ! Như dợn nắng, vòng lửa, hoa đốm, thành Càn-thát-bà, mộng huyễn, bóng trong gương... là điên đảo của thế gian, chẳng phải minh trí của bậc Thánh, nhưng chẳng phải không có hiện ra những việc trên.

Này Đại Tuệ! Kẻ mê hoặc có đủ thứ vọng hiện kể trên, chẳng phải mê hoặc tạo ra vô thường. Vì sao? Vì lìa tánh phi tánh. Đại Tuệ! Thế nào là mê hoặc lìa tánh phi tánh? Là nói mỗi mỗi cảnh giới của tất cả phàm phu, cũng như hàng ngạ quỷ thấy sông Hằng là lửa, chẳng thấy là nước. Tánh mê hoặc này chỉ hiện nơi ngạ quỷ mà thôi, nơi chúng sinh khác thì hiện tánh chẳng mê hoặc, chứ chẳng phải vô tánh, vì họ đều thấy nước sông Hằng. Tánh mê hoặc như thế, nên bậc Thánh lìa điên đảo và bất điên đảo, do đó nói mê hoặc là thường, vì mỗi mỗi tướng đều chẳng thể hoại. Đại Tuệ! Chẳng phải mỗi mỗi tướng mê hoặc hoại, chỉ là tướng vọng tưởng hoại, nên nói mê hoặc là thường.

Này Đại Tuệ! Tại sao cho mê hoặc là chân thật? Nếu nói theo nhân duyên, nghĩa là bậc Thánh ở nơi pháp mê hoặc, chẳng khởi cái nhận biết về tướng điên đảo hoặc bất điên đảo. Nếu ở nơi pháp mê hoặc mà có ít phần tư tưởng thì chẳng phải Thánh trí, ví có chút tư tưởng tức là hý luận của phàm phu, chẳng phải sự tướng của Thánh trí. Phàm nói hữu vô là phàm phu vọng thuyết, chẳng phải Thánh ngôn thuyết. Kẻ mê hoặc nói điên đảo, bất điên đảo, đều thuộc vọng tưởng, y theo mê hoặc mà sinh khởi hai thứ chủng tánh, ấy là Thánh

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chủng tánh và phàm phu chủng tánh.

Thánh chủng tánh: Chia làm ba loại: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Phật thừa. Nếu phàm phu vọng tưởng thì sinh Thanh văn thừa chủng tánh, vì chấp trước tự tướng cộng tướng, nên gọi là do vọng tưởng sinh khởi Thanh văn thừa chủng tánh. Đại Tuệ! Theo vọng tưởng mê hoặc kia mà sinh khởi Duyên giác thừa chủng tánh, nghĩa là ngay nơi mê hoặc tự tướng cộng tướng kia chẳng tự chấp trước mà khởi Duyên giác thừa chủng tánh. Vì sao người trí cũng theo sự mê hoặc kia mà khởi Phật thừa chủng tánh? Vì giác ngộ được tự tâm hiện lượng ngoài tánh phi tánh, chẳng có tướng vọng tưởng, nên sinh khởi Phật thừa chủng tánh, ấy gọi là ngay nơi mê hoặc kia mà khởi Phật thừa chủng tánh.

Lại nữa, đối với mỗi mỗi sự và tánh, phàm phu khởi vọng tưởng thì sinh phàm phu chủng tánh, nghĩa là chủng tánh chẳng phải hữu sự, cũng chẳng phải vô sự. Đại Tuệ! Ngay sự mê hoặc chẳng vọng tưởng kia, những tâm, ý, ý thức, lỗi tập khí, pháp tự tánh, pháp chuyển biến... của bậc Thánh đều gọi là Như, cho nên nói Như là tâm. Ta nói câu này là hiển thị là tướng, tức là cái thuyết là tất cả tự tướng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Mê hoặc là hữu hay vô?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Pháp như huyễn chẳng có tướng chấp trước. Nếu mê hoặc có tướng chấp trước thì tánh chấp trước chẳng thể diệt. Pháp duyên khởi của ta thuyết, ắt đồng như pháp nhân duyên sinh của ngoại đạo.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu mê hoặc như huyễn thì phải làm nhân cho mê hoặc khác?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải nhân duyên mê hoặc nên chẳng có lỗi. Đại Tuệ! Huyền chẳng sinh lỗi, vì chẳng có vọng tưởng. Huyền từ chỗ sáng kia sinh khởi, chẳng từ chỗ lỗi tập khí vọng tưởng của chính mình sinh khởi, cho nên chẳng có lỗi. Ấy là do tâm mê hoặc của phàm phu chấp trước, chẳng phải Thánh hiền.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Thánh chẳng thấy mê hoặc
Trong đó cũng chẳng thật
Trong đó nếu chân thật
Mê hoặc tức chân thật.
Xa lìa tất cả mê
Nếu còn có tướng sinh
Ấy cũng là mê hoặc
Bất tịnh như nhặm mắt.*

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đã nói mê hoặc tức chân thật, thì như huyền tức phi huyền, phi huyền tức như huyền. Chân thể của phi huyền chẳng có tướng tự, nay nói phi huyền, chẳng phải không thấy tất cả pháp là như huyền.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Vì chấp trước đủ thứ tướng huyền nên nói tất cả pháp như huyền chẳng? Hoặc vì chấp trước đủ thứ tướng phi huyền mà nói tất cả pháp như huyền chẳng? Bạch Thế Tôn! Nếu như huyền và phi huyền có tánh khác biệt, ắt phải có tánh chẳng như huyền. Vì sao? Vì mỗi mỗi sắc tướng chẳng có nhân. Bạch Thế Tôn! Nếu mỗi mỗi sắc tướng chẳng có nhân mà hiện tướng như huyền, thì chẳng có đủ thứ tướng huyền để chấp trước, cho có tánh tướng tự là như huyền.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải đủ thứ tướng huyền chấp trước tướng tự, nói tất cả pháp như huyền. Vì tất cả pháp chẳng thật, chóng diệt như ánh chớp, ấy là như huyền. Ví như điện chớp hiện trong sát-na, mới hiện liền diệt. Tất cả tánh như thế, đều chẳng thuộc nơi hữu và vô, chỉ do tự tâm vọng tưởng chấp có tự tướng cộng tướng, nếu quan sát tất cả pháp vô tánh, thì chẳng phải sự hiện sắc tướng chấp trước của phàm phu.

Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ:

*Phi huyền chẳng thể dụ
Thuyết pháp tánh như huyền
Chẳng thật như điện chớp
Cho nên nói như huyền.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Như Thế Tôn thuyết giảng tất cả tánh vô sinh mà như huyễn, vậy chẳng phải pháp đã thuyết giảng của Thế Tôn trước sau trái nhau chăng? Sao nói vô sinh tánh như huyễn?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Chẳng phải ta nói “Vô sinh tánh như huyễn” có lỗi trước sau trái nhau. Vì sao nói sinh mà vô sinh? Là dùng để giác ngộ hiện lượng của tự tâm, nói hữu phi hữu, ngoài tánh phi tánh, là phương tiện để hiện pháp vô sinh, chẳng phải chỗ thuyết giảng của ta có lỗi trước sau trái nhau, vì bác bỏ thuyết nhân sinh của ngoại đạo, nên ta thuyết tất cả tánh vô sinh. Đại Tuệ! Ngoại đạo si mê, muốn cho hữu và vô hữu đều thật, vì chẳng biết do tự tâm vọng tưởng chấp trước đủ thứ nhân duyên mà sinh.

Này Đại Tuệ! Ta dùng thuyết vô sinh để thuyết, vì phá chấp hữu và vô. Ta thuyết tánh âm thanh (thanh giáo), là vì đệ tử ta tạo đủ thứ nghiệp mà thâm nhận sinh tử và phá những người chấp vô kiến, đoạn kiến. Vì phàm phu rơi vào ác kiến hy vọng, chẳng biết tự tâm hiện lượng, vì khiến họ lìa các tướng tánh của tự tánh, nên thuyết tướng của các pháp như huyễn; vì phá tướng chấp trước do nhân duyên sinh khởi của họ, nên nói tất cả pháp tướng tự tánh như mộng huyễn, là khiến lìa bỏ chấp trước ác kiến hy vọng nơi tất cả pháp tự và tha, được thấy chỗ như thật, chẳng lập tà luận. Đại Tuệ! Chỗ thấy tất cả pháp như thật, là siêu việt tự tâm hiện lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa ấy nên nói kệ:

Vô tác, tánh vô sinh

Chấp tánh thuộc sinh tử

Quan sát pháp như huyễn

Nơi tướng chẳng khởi vọng.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát khéo quán danh cú, thân hình. Vì Đại Bồ-tát khéo quán danh cú, thân hình, nên thuyết tướng danh cú, thân hình, theo đó vào nghĩa cú thân hình, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tự giác như thế rồi, lại giác ngộ cho tất cả chúng sinh. Đại Tuệ! Nói “Danh thân”, là y sự lập danh, gọi là danh thân; nói “Cú thân”, là trong cú có nghĩa thân, để quyết định

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nghĩa cứu cánh của tự tánh, gọi là Cú thân. Nói “Hình thân”, là hiển thị nghĩa của danh cú, gọi là Hình thân. Lại nữa, nói Hình thân, còn có nghĩa dài ngắn cao thấp; nói Cú thân, còn có nghĩa đường đi dấu vết, như đường đi dấu vết của voi, ngựa, người và thú... Nói danh và hình, là dùng danh để hiển bày bốn ấm vô sắc (thọ, tưởng, hành, thức) nên nói danh, vì hiện tự tướng nên nói hình, gọi chung là danh cú thân hình. Đối với biên vực của tướng danh cú thân hình, cần nên tu học.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Danh thân với cú thân
Và thân hình sai biệt
Phàm phu vọng chấp trước
Như voi mắc đầm lầy.*

Lại nữa, này Đại Tuệ! Người trí đời vị lai thông đạt nghĩa ta thuyết giảng, dùng nghĩa lia kiến chấp tướng nhất, dị, đồng, chẳng đồng... hỏi người vô trí, thì họ đáp: “Sự hỏi này chẳng đúng. Nói các sắc tướng thường hay vô thường, khác hay chẳng khác, ấy là chư hạnh của Niết-bàn, lập tướng và đối tượng của tướng, y cứ vào đối tượng của y cứ, kiến và đối tượng của kiến, tạo và đối tượng của tạo, trần và vi trần, tu và kẻ tu... là tướng lẫn lượt so sánh.” Thật ra, những câu của người trí hỏi kể trên, là vô ký và chỉ hý luận của Phật thuyết, có nghĩa thâm sâu, người si mê như họ chẳng thể biết, vì họ không đủ trí tuệ nghe pháp. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác, vì khiến họ lia sự kinh sợ, nên nói pháp vô ký và chỉ ký, cũng vì phá luận nhị kiến của ngoại đạo, chứ chẳng phải không thuyết.

Này Đại Tuệ! Cái thuyết của ngoại đạo, nói mạng tức là thân, những lời nói như thế mới là vô ký luận. Những ngoại đạo ngu si, nơi nhân lập vô ký luận, chứ chẳng phải là chỗ thuyết giảng của ta. Chỗ thuyết giảng của ta lia chủ thể thân nhiếp, đối tượng được thân nhiếp, chẳng sinh vọng tưởng, chỉ để phá những kiến chấp của họ. Vì họ chấp trước chủ thể thân nhiếp, đối tượng được thân nhiếp, chẳng biết tự tâm hiện lượng, nên cầu phá sự chấp trước của họ. Đại Tuệ! Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác dùng bốn thứ ký luận vì chúng sinh thuyết pháp. Ta thường thuyết Chỉ ký luận, là vì người

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

căn chưa thuần thực mà thuyết, chẳng phải vì người căn đã thuần thực mà thuyết.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Tất cả pháp lia chỗ tạo tác của nhân duyên, nghĩa là vô sinh, vì chẳng có kẻ tác, nên tất cả pháp vô sinh. Vì sao tất cả pháp lia tự tánh? Vì lúc tự khởi giác quán, thấy tướng của tự tánh cộng tánh đều không thể nắm giữ, nên nói tất cả pháp là vô sinh. Vì sao tất cả pháp chẳng thể đem lại, chẳng thể đem đi? Vì tự tướng cộng tướng là không thể nắm bắt, nên muốn đem lại không có gì để đem lại, muốn đem đi không có gì để đem đi, nên nói tất cả pháp lia đem lại đem đi. Đại Tuệ! Vì sao tất cả pháp chẳng diệt? Vì chẳng có tánh tướng của tự tánh, thì tất cả pháp không thể nắm bắt, nên tất cả pháp chẳng diệt. Vì sao tất cả pháp vô thường? Vì tướng sinh khởi chẳng có tánh thường, nên nói tất cả pháp vô thường. Vì sao nói tất cả pháp là thường? Vì tánh vô sinh chẳng có tướng sinh khởi, nên vô thường là thường, nên nói tất cả pháp là thường.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Ký luận có bốn thứ:
Nhất hướng, phản cật vấn.
Phân biệt và chỉ luận
Để đối trị ngoại đạo.
Hữu cùng phi hữu sinh
Sư Tăng-khư, Tỳ-xá.
Hiển thị như thế này
Tất cả đều vô ký.
Nếu chánh giác phân biệt
Tự tánh không nắm giữ.
Vì lia nơi ngôn thuyết
Nên nói lia tự tánh.*

Khi ấy Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết bốn quả, bốn hướng của thừa Thanh văn về tướng thông nhau và sai biệt. Nếu Đại Bồ-tát khéo biết tướng thông và sai biệt của bốn quả, bốn hướng, thì có nhiều phương tiện vì chúng sinh thuyết pháp, khiến chúng sinh thông đạt rốt ráo, như hai thứ tướng vô ngã và trừ sạch hai thứ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

chương là phiên não và sở tri, trải qua tướng các Địa, đến cảnh giới cứu cánh chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai. Giống như hạt châu ma-ni tùy sắc, khéo dùng tất cả pháp nơi cảnh giới vô tận của thân và tài để thân nhận tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, nay ta vì ông thuyết.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Lành thay! Bạch Thế Tôn! Con xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Có ba thứ Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn sai biệt. Thế nào là ba? Nghĩa là hạ, trung, thượng. Hạ là bảy đời sinh mới vào Niết-bàn; trung thì ba hoặc năm đời mới vào Niết-bàn; thượng thì ngay đời ấy liền vào Niết-bàn. Ba hạng này còn có ba kết hạ, trung, thượng, ấy là: Thân kiến, nghi kiến và giới thủ kiến, đó là ba kết sai biệt, dần dần tiến lên thì đắc quả A-la-hán.

Thân kiến có hai thứ: Là câu sinh (mới sinh đã sẵn có) và vọng tưởng, như duyên khởi vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng, là nương theo duyên khởi tự tánh thì các thứ vọng tưởng tự tánh chấp trước sinh khởi. Vì tướng vọng tưởng chẳng thật, phi hữu phi vô, cũng chẳng phải hữu và vô mà phạm phu vọng tưởng chấp trước mỗi mỗi tự tánh vọng tưởng, như con nai đang khát tưởng sóng nắng là nước, đó là thân kiến vọng tưởng của Tu-đà-hoàn. Bậc này tu theo nhân vô ngã, thân nhận pháp vô tánh, dứt trừ vô tri chấp trước từ lâu đời.

Này Đại Tuệ! Câu sinh là thân kiến của Tu-đà-hoàn, chấp có tự thân tha thân... Vì có tướng bốn ấm vô sắc, có chủ thể tạo và đối tượng được tạo lần lượt làm nhân tướng mà sinh ra sắc. Vì đại chủng và sắc chẳng phải một, nên Tu-đà-hoàn quán pháp hữu và vô chẳng hiện thì thân kiến liền đoạn. Thân kiến đoạn thì tham dục chẳng sinh, ấy gọi là tướng thân kiến hết.

Này Đại Tuệ! Tướng nghi là tướng thấy được các pháp thiện (tức là đắc nhân vô ngã thì lý nghi dứt) và hai thứ vọng tưởng thân kiến ở trên đã dứt, thì pháp nghi chẳng sinh. Không ở nơi khác khởi kiến chấp nghi bậc sư là tịnh hay là bất tịnh thì nghi sư (thầy) dứt. Đến đây, nghi lý, nghi pháp, nghi sư đều hết, ấy gọi là tướng nghi của Tu-đà-hoàn đoạn dứt.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Này Đại Tuệ! Thế nào là giới thủ kiến? Tu-đà-hoàn chẳng thủ giới, vì thấy rõ tướng khổ nơi vị lai thọ sinh nên chẳng lấy. Đại Tuệ! Nói thủ, là sự quyết định thực tập khổ hạnh tinh tấn của phạm phu, cầu sinh cảnh giới vui thú của cõi trời. Bạc họ chẳng thủ, là hồi hướng chỗ tối thắng tự giác, vốn lia vọng tưởng, tu pháp vô lậu, hành tướng phương tiện, dù chẳng thủ, nhưng cũng thọ trì giới chi (giới phần vô lậu), ấy gọi là đoạn dứt tướng giới thủ của Tu-đà-hoàn. Tu-đà-hoàn đoạn dứt ba kết, tham si chẳng sinh, nếu Tu-đà-hoàn nghĩ như thế, nói “Ta chẳng thành tựu các kết này” ắt có hai lỗi: rơi vào thân kiến và các kết chẳng dứt.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật nói họ nhiều tham dục, vậy họ đoạn dứt tham dục gì?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Họ đoạn dứt những trói buộc như yêu thích người nữ, tham chấp đủ thứ phương tiện, tạo nghiệp ác nơi thân, khẩu, thọ sự vui trước mắt mà gieo khổ đời vị lai... tức chẳng sinh những tham dục kể trên. Vì sao? Vì họ đắc sự vui của Tam-muội chánh thọ, nên họ đoạn dứt tham dục thế gian mà chẳng phải đoạn dứt sự ham Niết-bàn.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng Tư-đà-hàm? Ấy là tức thì chiếu soi sắc tướng vọng tưởng, chẳng sinh tướng thấy tướng sinh. Vì khéo thấy được tướng thiền hành, nên vãng lai thế gian này một lần, mong dứt sạch khổ để đắc Niết-bàn, nên gọi là Tư-đà-hàm.

Này Đại Tuệ! Thế nào là A-na-hàm? Nghĩa là đoạn dứt sự sinh kiến chấp lỗi lầm của kết tập (tập khí phiền não), chẳng sinh vọng tưởng về sắc tướng nơi quá khứ, hiện tại, vị lai, tánh phi tánh, gọi là A-na-hàm.

Này Đại Tuệ! Nói A-la-hán, là do sức sáng suốt nơi Tam-muội giải thoát của các thiền, dứt sạch tất cả khổ, phiền não của vọng tưởng tánh phi tánh, nên gọi là A-la-hán.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Phật thuyết ba hạng A-la-hán, nói A-la-hán này là thuộc hạng nào? Vì đặc tịch tĩnh của đạo Nhất thừa, nên Đại Bồ-tát phương tiện thị hiện A-la-hán để giúp Phật giáo hóa.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Đặc tịch tĩnh là đạo Nhất thừa của Thanh văn, chẳng phải thừa khác. Thừa khác là hành hạnh Bồ-tát, do phương tiện khéo léo của bản nguyện, nên ở nơi chúng sinh thị hiện thọ sinh và giúp Phật giáo hóa, cũng vì trang nghiêm cho quyến thuộc của Phật. Đại Tuệ! Ở nơi vọng tưởng thuyết đủ thứ pháp, nói đắc quả đắc thiền, thiền giả nhập thiền, thấy đều xa lìa, thị hiện chứng đắc tự tâm hiện lượng, đắc tướng quả, gọi là đắc quả. Lại nữa, này Đại Tuệ! Muốn siêu việt thiền của vô lượng Vô sắc giới, nên lìa tướng tự tâm hiện lượng. Nói chánh thọ, thọ tướng, siêu việt tự tâm hiện lượng là chẳng đúng. Vì sao? Vì còn có tâm lượng.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Các thiền bốn vô lượng
Vô sắc Tam-ma-đề.
Tất cả thọ, tướng diệt
Tâm lượng vốn không có.
Sơ quả và nhị quả
Tam quả A-na-hàm.
Tứ quả A-la-hán
Đều dứt tâm mê hoặc.
Thiền giả duyên thiền định
Đoạn chấp thấy chân đế
Dù vọng tưởng vô lượng
Giác ngộ liền giải thoát.*

Lại nữa, này Đại Tuệ! Có hai thứ giác, là quan sát giác và tướng vọng tưởng thâm nhận chấp trước kiến lập giác. Nói quan sát giác là tướng tự tánh của giác tánh, nếu quan sát sự phân biệt, lìa bốn luận chứng không thể nắm giữ, ấy gọi là quan sát giác. Nói tứ cú (bốn luận chứng) là lìa nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu vô, phi hữu phi vô, thường, vô thường gọi là tứ cú. Lại nữa, lìa tứ cú này gọi là Nhất thiết pháp. Bốn luận chứng quan sát Nhất thiết pháp này cần nên tu học.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng vọng tưởng thâm nhận chấp trước kiến lập giác? Là nói tướng vọng tưởng thâm nhận chỗ chấp trước, tướng vọng tưởng chẳng thật, như địa, thủy, hỏa, phong; bốn

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đại chủng và tướng tông, nhân, thí dụ, giác ngộ được chỗ kiến lập chẳng thật mà chấp trước kiến lập, ấy gọi là tướng vọng tướng đầu nhận chấp trước kiến lập giác.

Nếu Đại Bồ-tát thành tựu hai thứ giác tướng này, đến tướng cứu cánh của tướng nhân pháp vô ngã thì khéo biết phương tiện vô sở hữu giác, quan sát hành địa, chứng đắc Sơ địa, vào trăm Tam-muội chứng đắc Tam-muội sai biệt, thấy trăm Phật và trăm Bồ-tát, biết các việc trong trăm kiếp quá khứ và vị lai, ánh sáng tự tâm chiếu soi trăm cõi nước, biết tướng từng bậc của các Địa Bồ-tát. Đại nguyện thù thắng, thần lực tự tại, đến địa Pháp vân quán đỉnh, sẽ chứng đắc địa Như Lai tự đắc, khéo dùng tâm thập vô tận cú để thành tựu cho chúng sinh, đủ thứ biến hóa quang minh trang nghiêm, đắc tự giác Tam-muội Chánh thọ thánh lạc.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đại Bồ-tát nên khéo tạo sắc bốn đại chủng. Thế nào là Bồ-tát khéo tạo sắc bốn đại chủng? Đại Bồ-tát giác ngộ được chân đế thì bốn đại chủng chẳng sinh, ở nơi bốn đại chẳng sinh mà quan sát như thế, quan sát rồi giác ngộ được biên vực danh tướng của vọng tướng, biên vực của tự tâm hiện và ngoài tánh phi tánh, gọi là tâm hiện vọng tướng về biên vực. Quán ba cõi kia, tánh lia tạo sắc của bốn đại chủng, thông đạt bốn luận chứng, lia ngã, ngã sở, tự tướng như thật tướng và lia trụ phần đoạn sinh tử, thành tựu tự tướng vô sinh.

Này Đại Tuệ! Bốn đại chủng kia làm sao sinh khởi tạo sắc? Là nói vọng tướng thấm nhuần đại chủng, trước sinh nội, ngoại thủy giới, rồi cái chủ thể sinh của vọng tướng đại chủng, sinh nội, ngoại hỏa giới. Vọng tướng đại chủng phiêu động, sinh nội, ngoại phong giới, vọng tướng đại chủng ngăn cách, sinh nội, ngoại địa giới. Do chấp sắc và hư không chấp trước theo lý tà thì có năm uẩn tập hợp, sự tạo sắc của bốn đại chủng do đó sinh khởi.

Này Đại Tuệ! Nói thức ấm là do ham thích đủ thứ sự thích cảnh giới của sáu trần vướng mắc chẳng bỏ, nên phải tương tục thọ sinh nơi các loài khác. Địa, thủy, hỏa, phong bốn đại chủng ấy và sắc pháp được tạo... là do thức ấm duyên theo nghiệp mà sinh ra bốn đại, chẳng phải bốn đại tự làm duyên mà sinh ra thức ấm. Vì sao? Vì hình tướng tự tánh, chỗ được tạo tác chỉ là phương tiện vô tánh, nên

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đại chủng chẳng sinh. Hình tướng tự tánh là do chỗ được tạo tác phương tiện hòa hợp mà sinh, chẳng phải vô hình. Cho nên tướng bốn đại tạo sắc là vọng tưởng của ngoại đạo, chẳng phải thuyết của ta.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay sẽ thuyết tướng tự tánh của các ấm. Thế nào là tướng tự tánh của các ấm? Nói năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Bốn ấm phi sắc là thọ, tưởng, hành, thức. Nói sắc ấm, là bốn đại và tạo sắc mỗi mỗi có tướng riêng khác. Nói bốn ấm vô sắc chẳng phải vô sắc mà có bốn số (thọ, tưởng, hành, thức) như hư không. Ví như hư không siêu việt tướng số mà là nơi số, chẳng có số lượng mà vọng tưởng nói là một hư không. Như thế, bốn ấm vô sắc cũng siêu việt tướng số mà là nơi số, là tánh phi tánh, là bốn luận chứng. Nói tướng số là ngôn thuyết của phàm phu, chẳng phải là Thánh hiền.

Này Đại Tuệ! Bạc Thánh như huyễn, mỗi mỗi sắc tướng là sự dựng lập, khác hay chẳng khác, cũng như thân bóng mộng của sĩ phu, là khác và chẳng khác. Đại Tuệ! Nói Thánh trí đồng như tướng vọng tưởng của năm ấm hiện, gọi là tướng tự tánh của các ấm, ông nên diệt trừ. Diệt rồi thuyết pháp tịch tĩnh, dứt tất cả kiến chấp của những ngoại đạo nơi tất cả cõi Phật.

Này Đại Tuệ! Lúc nói tịch tĩnh, là thấy pháp vô ngã tịnh và vào địa Bất động (Địa thứ tám). Vào địa Bất động rồi, đắc vô lượng Tam-muội tự tại và đặc ý sinh thân, đắc Tam-muội như huyễn, thông đạt sự cứu cánh sáng tỏ tự tại, cứu giúp tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, giống như đại địa nuôi dưỡng chúng sinh, Đại Bồ-tát phổ độ chúng sinh cũng như thế.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Các ngoại đạo có bốn thứ Niết-bàn. Thế nào là bốn?

1. Tánh của tự tánh phi tánh Niết-bàn.
2. Mỗi mỗi tướng của tự tánh phi tánh Niết-bàn.
3. Tướng giác của tự tánh phi tánh Niết-bàn.
4. Tướng tục lưu chú của tự tướng cộng tướng nơi năm ấm đoạn dứt Niết-bàn.

Ấy gọi là bốn thứ Niết-bàn của các ngoại đạo, chẳng phải pháp của ta đã nêu giảng. Đại Tuệ! Pháp của ta thuyết giảng là các thức

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

của vọng tưởng diệt, gọi là Niết-bàn.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Há chẳng kiến lập thức thứ tám chăng?

Phật đáp:

–Kiến lập.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Nếu kiến lập thì tại sao chỉ lia thức thứ sáu mà chẳng lia thức thứ bảy?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì lia sự duyên dựa của thức thứ sáu thì thức thứ bảy chẳng sinh. Ý thức là phân biệt cảnh giới phần đoạn của tiền ngũ thức, đang lúc phân biệt, liền sinh khởi chấp trước, thì những tập khí nuôi dưỡng nơi tạng thức, khởi hiện hành huân tập chủng tử, do thức thứ bảy truyền vào ý thức, tức là cùng trong thức thứ tám. Chấp trước ngã và ngã sở thì nhân duyên tư duy sinh khởi, thân tướng chẳng hoại, tạng thức do ý thức duyên dựa thì cảnh giới của tự tâm hiện bày, tâm chấp trước liền sinh. Các thức lần lượt làm nhân với nhau, cũng như làn sóng biển, do ngọn gió của cảnh giới tự tâm hiện thổi, làn sóng các thức hoặc sinh hoặc diệt cũng như thế. Cho nên, ý thức diệt thì thức thứ bảy theo đó cũng diệt.

Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Ta chẳng trụ Niết-bàn
Tướng năng tác, sở tác.
Tánh Niết-bàn ta thuyết
Lìa vọng tưởng Nhĩ diệt.
Do thức duyên dựa nhau
Thành đủ thứ thân hình.
Gốc nhân chính là tâm
Nơi nương tựa của thức.
Như dòng nước đã cạn
Thì làn sóng chẳng khởi.
Vậy ý thức diệt rồi
Thì các thức chẳng sinh.*

Lại nữa, này Đại Tuệ! Nay ta sẽ thuyết giảng tướng thông và

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

phân biệt của vọng tưởng tự tánh. Nếu đối với tướng thông và phân biệt của vọng tưởng tự tánh mà khéo phân biệt, thì ông và các Đại Bồ-tát được lia vọng tưởng, đến chỗ Thánh trí tự giác, chẳng còn vọng tưởng thì mỗi mỗi tướng và hành duyên khởi từ vọng tưởng tự tánh và chủ thể thâm nhiếp, đối tượng được thâm nhiếp đều đoạn dứt, cũng là giác ngộ được kiến chấp về thần thông của ngoại đạo.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng thông, phân biệt của vọng tưởng tự tánh? Là gồm ngôn thuyết vọng tưởng, chỗ được thuyết sự vọng tưởng, lợi vọng tưởng, tự tánh vọng tưởng, nhân vọng tưởng, kiến vọng tưởng, thành vọng tưởng, sinh vọng tưởng, bất sinh vọng tưởng, tương tục vọng tưởng, ràng buộc và chẳng ràng buộc, vọng tưởng, ấy gọi là tướng thông phân biệt của vọng tưởng tự tánh.

Này Đại Tuệ! Thế nào là ngôn thuyết vọng tưởng? Là chấp thật đủ thứ diệu âm ca nhạc, cho là vui thú, gọi là ngôn thuyết vọng tưởng.

Thế nào là chỗ được thuyết sự vọng tưởng? Là nói có chỗ được thuyết giảng của tự tánh, do Thánh trí hiểu biết, theo đó mà sinh ngôn thuyết vọng tưởng, gọi là chỗ được thuyết sự vọng tưởng.

Thế nào là tướng vọng tưởng? Là ngay nơi chỗ được thuyết kia, như nai đang khát, tưởng dợn nắng là nước, mỗi mỗi chẳng thật mà chấp thật, nói tướng của bốn đại, tất cả tánh đều thuộc vọng tưởng, gọi là tướng vọng tưởng.

Thế nào là lợi vọng tưởng? Nói ham thích đủ thứ vàng bạc châu báu, gọi là lợi vọng tưởng.

Thế nào là tự tánh vọng tưởng? Nói tự tánh có sự thật chấp trì như thế, chẳng khác với vọng tưởng ác kiến, gọi là tự tánh vọng tưởng.

Thế nào là nhân vọng tưởng? Nói hoặc nhân hoặc duyên để phân biệt hữu và vô thì tướng nhân sinh khởi, gọi là nhân vọng tưởng.

Thế nào là kiến vọng tưởng? Là đối với nhất, dị, đồng, chẳng đồng, hữu, vô, những vọng tưởng ác kiến của ngoại đạo, khởi vọng tưởng chấp trước, gọi là kiến vọng tưởng.

Thế nào là thành vọng tưởng? Là đối với tư tưởng ngã và ngã sở, lập thành luận quyết định, gọi là thành vọng tưởng.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thế nào là sinh vọng tưởng? Nói duyên theo tánh hữu và vô, sinh khởi chấp trước, gọi là sinh vọng tưởng.

Thế nào là bất sinh vọng tưởng? Là nói tất cả tánh vốn vô sinh vô chủng, do nhân duyên sinh cái thân vô nhân (chẳng có cái nhân bắt đầu), gọi là bất sinh vọng tưởng.

Thế nào là tương tục vọng tưởng? Là nói vật này vật kia liên hệ lẫn nhau, như kim và chỉ liền nhau mới có thể may vá, gọi là tương tục vọng tưởng.

Thế nào là phược bất phược vọng tưởng? Nói ràng buộc và chẳng ràng buộc là do nhân duyên chấp trước, như phược tiện của sĩ phu hoặc trói hoặc mở trói, gọi là phược bất phược vọng tưởng.

Này Đại Tuệ! Nơi tướng thông và phân biệt của vọng tưởng tự tánh này, tất cả phàm phu chấp trước cho là hữu và vô. Do duyên khởi mà chấp trước mỗi mỗi vọng tưởng của tự tánh chấp trước, hiện ra đủ thứ thân hình như huyễn, phàm phu vọng tưởng, thấy mỗi thứ huyễn tướng khác nhau. Mỗi thứ tướng huyễn chẳng phải khác, cũng chẳng phải không khác. Nếu nói “khác” thì huyễn chẳng phải nhân của mỗi thứ kia; nếu nói “chẳng khác” thì huyễn và mỗi thứ kia chẳng sai biệt mà lại thấy sai biệt. Do đó, nói chẳng phải khác cũng chẳng phải không khác. Cho nên, này Đại Tuệ! Ông và các Đại Bồ-tát, đối với vọng tưởng tự tánh, duyên khởi tướng như huyễn, khác hay chẳng khác, hữu hay vô, chớ nên chấp trước.

Đức Thế Tôn muốn lập lại nghĩa này nên nói kệ:

*Trói tâm nơi cảnh giới
Trí giác tướng chuyển theo.
Thắng giải không chốn trụ
Trí tuệ bình đẳng sinh.
Vọng tưởng thì tánh hữu
Nơi duyên khởi thì vô.
Vọng tưởng và thấu nhận
Phi vọng tưởng duyên khởi.
Mỗi mỗi phân biệt sinh
Như huyễn lại chẳng thành.
Dù hiện đủ thứ tướng
Vọng tưởng cũng chẳng thành.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Chấp trước là lỗi lầm
Đều do tâm trời sinh.
Vọng tưởng vốn vô tri
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tánh các vọng tưởng ấy
Tức là duyên khởi kia.
Vọng tưởng có đủ thứ
Nơi duyên khởi vọng tưởng.
Tục đế Đệ nhất nghĩa
Ngoại đạo chấp thành ba.
Cho là vô nhân sinh
Dứt vọng tưởng tục đế
Là cảnh giới bậc Thánh.
Ví như sự tu hành
Hư không hiện nhiều mây.
Hư không vốn chẳng mây.
Lại hiện mây như thế.
Tâm cũng như hư không
Vọng tưởng hiện nhiều sắc.
Do duyên khởi mà hiện
Chẳng phải sắc phi sắc.
Ví như luyện vàng ròng
Lọc bỏ các tạp chất
Vàng thật liền hiện ra
Vọng tưởng sạch cũng vậy.
Tự tánh chẳng vọng tưởng
Vì duyên khởi thành có
Kiến lập và phủ định
Thấy đều do vọng tưởng.
Vọng tưởng nếu vô tánh
Mà có tánh duyên khởi.
Vô tánh sinh hữu tánh
Nương nhau nơi vọng tưởng.
Mà thành tướng duyên khởi
Danh tướng thường theo nhau

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

*Mà sinh các vọng tưởng
Vượt thoát các vọng tưởng
Rồi thành trí trong sạch
Gọi là Đệ nhất nghĩa
Duyên khởi có sáu thứ
Vọng tưởng có mười hai.
Tự giác và Nhĩ diễm
Vốn chẳng có sai biệt.
Năm pháp đều chân thật
Tự tánh có ba thứ.
Tu hành thấu nghĩa này
Chẳng ngoài nơi như như
Các tướng và duyên khởi
Đều gọi khởi vọng tưởng.
Các tướng vọng tưởng kia
Từ duyên khởi mà sinh.
Giác tuệ khéo quan sát
Không duyên không vọng tưởng.
Thành tựu tánh vô sinh
Thế nào giác vọng tưởng
Do tự giác vọng tưởng
Kiến lập hai tự tánh:
Là hiện cảnh vọng tưởng
Và cảnh giới bậc Thánh.
Vọng tưởng như tranh vẽ
Duyên khởi tức vọng tưởng.
Nếu nói khác vọng tưởng
Là luận của ngoại đạo.
Do nhị kiến hòa hợp
Sinh năng tưởng, sở tưởng.
Là hai năng, sở ấy
Thành trí tuệ bình đẳng.*

Bồ-tát Đại Tuệ lại bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì đại chúng thuyết tướng Thánh trí tự giác và Nhất thừa, khiến con và các Bồ-tát khéo tự giác, chẳng nhờ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

người khác mà thông đạt pháp Phật.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Hãy chú ý nghe và khéo ghi nhớ, ta sẽ vì ông mà thuyết giảng.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Cúi xin thọ giáo.

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Theo chỗ nhận biết của bậc Thánh xưa là vọng tưởng vô tánh, từng đời truyền thọ nhau, nghĩa là Đại Bồ-tát tự ở nơi thanh tịnh quan sát tự giác, chẳng do người khác mà lia được kiến chấp vọng tưởng. Dần dần tiến lên, vào quả vị Như Lai, ấy gọi là tướng Thánh trí tự giác.

Này Đại Tuệ! Thế nào là tướng Nhất thừa? Ấy là giác ngộ được đạo Nhất thừa, ta nói là Nhất thừa. Thế nào là giác ngộ được đạo Nhất thừa? Là nói thâm nhiếp chỗ căn thâm nhiếp của vọng tưởng, chỗ như thật thì chẳng sinh vọng tưởng, gọi là Nhất thừa giác. Nói Nhất thừa giác, trừ Như Lai ra, chẳng phải hàng ngoại đạo, Thanh văn, Duyên giác và vua Phạm thiên có thể biết rõ được, nên gọi là Nhất thừa.

Bồ-tát Đại Tuệ bạch:

–Bạch Thế Tôn! Tại sao nói tam thừa mà chẳng nói Nhất thừa?

Phật bảo Bồ-tát Đại Tuệ:

–Vì tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác đối với pháp Niết-bàn chẳng thể tự chứng nên chẳng nói Nhất thừa. Do Như Lai muốn điều phục tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác truyền thọ pháp tịch tĩnh, bậc họ nhờ phương tiện mà đạt được giải thoát, chẳng phải do sức của chính mình chứng đắc, nên chẳng nói Nhất thừa.

Lại nữa, này Đại Tuệ! Đối với người chẳng dứt tập khí nơi nghiệp chướng phiền não, nên chẳng vì tất cả Thanh văn, Duyên giác mà giảng nói Nhất thừa. Đối với người chẳng dứt được pháp vô ngã, chẳng lia phần đoạn sinh tử, nên nói Tam thừa. Nếu dứt được lỗi tập khí và giác ngộ được pháp vô ngã, thì tất cả lỗi tập khí phiền não chẳng sinh khởi, đối với sự phi tánh chấp trước ham thích mùi vị của Tam-muội, bậc Vô lậu đã giác ngộ được, giác ngộ rồi lại ra vào thế gian, dần dần từ bậc Vô lậu đến chỗ Bồ-đề viên mãn, sẽ chứng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đắc Pháp thân tự tại chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai.
Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này nên nói kệ:

*Chư Thiên và Phạm chúng
Thừa Thanh văn, Duyên giác.
Chư Phật thừa Như Lai
Ta thuyết những thừa này.
Cho đến tâm thức chuyển
Các thừa chẳng cứu cánh.
Nếu tâm thức diệt sạch
Thì chẳng thừa, vô thừa.
Chẳng có “thừa” kiến lập
Nên ta nói Nhất thừa.
Vì dẫn dắt chúng sinh
Phân biệt nói các thừa.
Giải thoát có ba thứ;
Nhân và pháp vô ngã.
Phiền não sở tri chướng
Xa lìa được giải thoát.
Như gỗ nổi mặt biển
Tùy làn sóng xoay chuyển.
Bậc Thanh văn cũng thế
Bị tướng gió thổi trôi.
Tu tập diệt phiền não
Còn tập khí sót lại.
Ham mùi vị Tam-muội
An trụ cõi vô lậu.
Chẳng đến chỗ cứu cánh
Cũng chẳng có lùi sụt.
Đắc các thân Tam-muội
Luống uống qua nhiều kiếp.
Ví như người say rượu
Rượu tiêu rồi mới tỉnh.
Pháp giác ngộ cũng thế
Cuối cùng vẫn thành Phật.*

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẶNG KINH



www.daitangkinh.org